

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 12-6-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Rô

2. Ông Trần Minh Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B: Trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Đ, phường N, quận H, Tp. N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Viễn T, chức vụ: Chuyên viên tổ hỗ trợ hoạt động; trú tại: số 70A, H, khóm 3, phường 4, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Việt L sinh năm 1990; trú tại khóm 3, phường 1, thị xã D, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03-10-2018 và lời khai tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP B là ông T trình bày: theo hợp đồng tín dụng số HĐTD8602017576 ngày 19 tháng 6 năm 2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Việt L đã thể hiện ông L vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất trong hạn là 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng ông L với số tiền 100.000.000 đồng theo khế ước số 8602017576; nợ gốc trả đến hạn ngày 02/10/2018 là 10.020.000 đồng, dư nợ đến ngày 02/10/2018 là

89.980.000 đồng; nợ gốc trả trong 60 kỳ, từ kỳ thứ 01 đến kỳ 59 trả 1.670.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.470.000 đồng vào ngày đáo hạn; ngày chuyển nợ quá hạn ngày 25/01/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã trả được tiền vốn 10.020.000 đồng và tiền lãi 5.910.205 đồng. Sau đó ông L không tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông L và có văn bản đề nghị ông L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, nhưng ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay ông L đã bỏ nơi cư trú tại khóm 3, phường 1, thị xã D nhưng không báo cho Ngân hàng biết nên không biết địa chỉ của ông L đang ở đâu.

Nay yêu cầu ông L trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc 89.980.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.708.672 đồng, nợ lãi quá hạn 5.119.101 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HĐTD8602017576 ngày 19 tháng 6 năm 2017 cho đến khi ông L trả hết nợ.

Bị đơn ông L vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông L trả tiền vay còn nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: trong hợp đồng tín dụng số HĐTD8602017576 ngày 19/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng và ông L ghi địa chỉ của ông L là tại khóm 3, phường 1, thị xã D, tỉnh T. Hiện nay ông L đã thay đổi nơi cư trú, nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới của ông L ở đâu là thuộc trường hợp bị đơn ông L cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ 02 lần, nhưng ông L đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Theo hợp đồng tín dụng số HĐTD8602017576 ngày 19/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B và ông L và giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ đã thể hiện: ông L có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 100.000.000 đồng và đã được giải ngân cho ông L số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng số HĐTD8602017576 ngày 19/6/2017, theo các tài liệu, chứng từ Ngân hàng cung cấp cho Tòa án thể hiện ông L hiện còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B nợ gốc 89.980.000

đồng, nợ lãi trong hạn 13.708.672 đồng, nợ lãi quá hạn 5.119.101 đồng. Từ cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

[4] Đối với tiền lãi quá hạn phát sinh: Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”*. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này kể từ ngày 13/6/2019; lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

[5] Về án phí: Do nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông L không thuộc trường hợp được miễn, giảm, không phải nộp án phí nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: $108.807.773 \text{ đồng} \times 5\% = 5.440.388 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B .

Buộc ông Nguyễn Việt L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền còn nợ tính đến ngày 12-6-2019 gồm nợ gốc: số tiền nợ gốc 89.980.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.708.672 đồng, nợ lãi quá hạn 5.119.101 đồng. Tổng cộng số tiền 108.807.773 đồng.

Kể từ ngày 13-6-2019, ông Nguyễn Việt L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng: HĐTD8602017576 ngày 19/6/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Việt L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Việt L phải chịu 5.440.388 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tiền tạm ứng án phí là 2.481.000 đồng theo biên lai thu số 0019521 ngày 13-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Truyền